TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 909/2024/HS-PT
Ngày: 24 - 9 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An;

Ông Trần Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 413/2024/TLPT-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Thanh S và các bị cáo khác, do có kháng cáo của bị cáo Phạm Thanh S, Châu Lê Điền N và Nguyễn Công B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 135/2024/HS-ST ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Thanh S**,** sinh năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 439/62/10/10 H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 167C/7 ấp C, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân B1 và bà Nguyễn Thị Thanh H; vợ Tạ Thu H1, có 01 người con sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa).

2. Châu Lê Điền N**,** sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú và cư trú: 269B1/9 ấp B, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn:12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Ngọc T và bà Lê Thị P; vợ Trần Thị H2, có 01 người con sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Công B**,** sinh năm 1979 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi đăng ký thường trú và cư trú: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1 và bà Phan Thị S1; vợ Lê Thị Thu P1; con: có 02 người, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH V (viết tắt là Công ty V), địa chỉ số C đường số C, KCN T, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, có 100% vốn nước ngoài, do ông Lin Yi M - quốc tịch Đài Loan, sinh năm 1954 - là người đại diện theo pháp luật. Công ty V có đặt hàng công ty TNHH K (viết tắt là công ty K), địa chỉ: N, KCN V, Đ, Đức Lập H3, Đ, Long An), gia công dây thun dệt kim theo Hợp đồng gia công số 01/HĐGC-KH ngày 01/01/2020.

Từ năm 2013 đến năm 2020, Phạm Thanh S, Châu Lê Điền N, Nguyễn Công B và Lê Văn T1 là nhân viên hợp đồng làm việc tại Công ty V. Công ty V giao cho N, S nhiệm vụ giao hàng nguyên liệu từ công ty V đến công ty K để gia công và nhận hàng đã gia công từ công ty K về kho công ty V; Bằng làm tài xế xe tải vận chuyển hàng đi chung với N, S; T1 làm thủ kho, có trách nhiệm kiểm tra, giao nhận hàng hóa đúng với phiếu xuất hàng do N, S mang về.

Lợi dụng công việc được giao, khoảng tháng 3/2020, S, N, B bàn bạc với T1 là khi vận chuyển các thùng hàng dây thun về kho công ty V do T1 quản lý, trên đường vận chuyển thì N, S, B sẽ giấu và bán bớt một số thùng dây thun. Nhiệm vụ của T1 là qua mặt được bảo vệ công ty để họ đóng dấu xác nhận "đã kiểm tra" vào phiếu giao hàng của công ty K thể hiện đã nhận đủ số lượng các thùng hàng dây thun do S, N và B đã mang về công ty. Mỗi thùng hàng dây thun bán được, S, N và B sẽ chia cho T1 từ 300.000 đồng - 400.000 đồng/1 thùng, T1 đồng ý (bút lục số 220, 294).

Ngày 17/4/2020, S, N và B đến công ty K nhận hàng dây thun gia công để vận chuyển về công ty V. Theo phiếu giao hàng thì có tất cả 12 thùng, nhưng S, N và B chỉ nhận 07 thùng, còn 05 thùng gửi lại công ty K hẹn đến ngày 18/4/2020 sẽ tiếp tục đến lấy. Sau đó S, N, B chở 07 thùng hàng về công ty V giao cho Lê Văn T1 và được bảo vệ là anh Trương Văn T2 đóng dấu xác nhận vào phiếu giao hàng. S nói với Lê Văn T1 05 thùng hàng còn lại ngày mai sẽ mang đi bán. Đến 18 giờ cùng ngày, bảo vệ thay ca nên Lê Văn T1 cầm phiếu giao hàng đến gặp anh Lê Minh T3 - là bảo vệ ca tối của công ty, báo nhóm của S, N và B đã giao 05 thùng hàng còn lại và đã nhận đủ, nhờ anh Lê Minh T3 xác nhận đủ 12 thùng hàng và đóng dấu "Đã kiểm tra". Sau đó, Lê Văn T1 báo lại cho S, N và B biết đã qua mặt được bảo vệ công ty. Ngày hôm sau 18/4/2020, S, N và B đến công ty K lấy 05 thùng hàng dây thun và đem đến KCN Đ III, liên

lạc với người đàn ông tên C bán 05 thùng hàng dây thun được số tiền 8.400.000 đồng, S chia cho T1 1.500.000 đồng, số tiền còn lại chia cho S, N và B mỗi người 2.300.000 đồng, tiêu xài hết (bút lục số 242, 260, 276, 294).

Đến ngày 25/4/2022, công ty V phát hiện thiếu 05 thùng hàng dây thun nên S, N, B và T1 đã thừa nhận hành vi lấy 05 thùng hàng nêu trên, nên đại diện Công ty V đến công an phường T, quận B trình báo. Sau đó, công an phường T đã mời S, N, B và T1 đến làm việc.

Quá trình điều tra, ngày 30/5/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Phạm Thanh S, Châu Lê Điền N, Nguyễn Công B và Lê Văn T1 về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Ngày 24/10/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với Phạm Thanh S, Châu Lê Điền N, Nguyễn Công B và Lê Văn T1 về tội "Tham ô tài sản".

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, N, S, B, T1 khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 6082/KL-HĐĐGTS ngày 08/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự cấp Thành phố, kết luận: tại thời điểm tháng 4/2020, 02 thùng dây thun loại 40mm (tổng khối lượng 151,2 kg) có giá 128.542 đồng/1 kg = 19.435.550,4 đồng; 02 thùng dây thun loại 45mm (tổng khối lượng 137,5 kg) có giá 89.088 đồng/1 kg = 12.249.600 đồng, 01 thùng dây thun loại 38mm (tổng khối lượng 70,5 kg) có giá 76.492 đồng/1 kg = 5.392.686 đồng. Tổng cộng 05 thùng hàng dây thun bị mất có trị giá: 37.077.836 đồng

Tại Bản kết luận giám định số 647/KLGĐ-TT ngày 26/01/2022 của Phòng K1 - Công an Thành phố H, kết luận:

"+ *Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 06 tập tin video cần giám định.*

+ Đã trích xuất một số hình ảnh nghỉ vấn có liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa từ trên xe ô tô tải xuống trong 06 tập tin video cần giám định ra bản ảnh (đính kèm phụ lục gồm 05 trang giấy đính kèm)".

Vật chứng thu giữ: Một USB màu đen; 01 phiếu giao hàng số 180091 ngày 17/4/2020 (lưu theo hồ sơ vụ án).

Về dân sự: Ông Lê Thành H4 (đại diện Công ty V) không yêu cầu bồi thường.

Đối với đối tượng tên C đã mua hàng của S và đồng phạm, hiện chưa biết được nhân thân, lai lịch nên cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm, nếu có căn cứ sẽ đề nghị xử lý sau.

Đối với các bảo vệ của công ty V là Trương Văn T4 và Lê Minh T3, có nhiệm vụ kiểm tra số lượng thùng hàng đúng như trên phiếu giao hàng thì ký xác nhận, đóng dấu "Đã kiểm tra"; các bảo vệ không có nhiệm vụ kiểm tra khối

lượng và hàng hóa bên trong. S, N và B cấu kết với Lê Văn T1 chiếm đoạt hàng của công ty thì T4 và T1 đều không biết. Do đó, không có căn cứ xử lý T4 và T1 với vai trò đồng phạm giúp sức cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS-P2 ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã truy tố để xét xử đối với các bị cáo Phạm Thanh S, Châu Lê Điền N, Nguyễn Công B, Lê Văn T1 về tội "Tham ô tài sản" theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 135/2024/HS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2024; Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 371/2024/TB-TA ngày 09/5/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thanh S 03 (ba) năm tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Châu Lê Điền N 02 (hai) năm tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công B 02 (hai) năm tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lê Văn T1, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 08/4/2024, bị cáo Phạm Thanh S kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, vì mức hình phạt 03 (ba) năm tù là quá nặng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, kinh tế gia đình khó khăn, bản thân bị cáo mang nhiều bệnh, cần phải theo dõi, điều trị.

Cùng ngày 08/4/2024, bị cáo Châu Lê Điền N và bị cáo Nguyễn Công B kháng cáo xin được hưởng án treo, vì mức hình phạt 02 (hai) năm tù giam là quá nặng, các bị cáo mang nhiều bệnh, cần phải theo dõi điều trị và là lao động chính trong gia đình, kinh tế gia đình khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Thanh S xin hoãn phiên tòa vì lý do bị nhiễm trùng đường tiêu hóa, có nộp kèm theo giấy tờ nhập viện.

Bị cáo Châu Lê Điền N và bị cáo Nguyễn Công B xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị xét xử phúc thẩm vắng mặt đối với bị cáo Phạm Thanh S.

Căn cứ Điều 342, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Châu Lê Điền N và bị cáo Nguyễn Công B do các bị cáo đã xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Về nội dung:

Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo Phạm Thanh S phạm tội "Tham ô tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là đúng pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Thanh S đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả xảy ra, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (BL 522). Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo S, là đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phạm Thanh S 03 (ba) năm tù, là có cơ sở, không có căn cứ giảm hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo S, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 20/8/2024, Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất, các bị cáo Phạm Thanh S, Châu Lê Điền N, Nguyễn Công B vắng mặt, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Ngày 24/9/2024, Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa xét xử vụ án lần thứ hai, bị cáo Phạm Thanh S vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa do nhiễm trùng đường tiêu hóa (có kèm theo giấy tờ nhập viện). Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt đối với bị cáo Phạm Thanh S.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Châu Lê Điền N và Nguyễn Công B đã xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét việc rút kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và không có kháng cáo, kháng nghị nào khác đối với hai bị cáo. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 342, Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Châu Lê Điền N và Nguyễn Công B. Phần bản án hình sự sơ thẩm nêu trên liên quan đến trách nhiệm hình sự của hai bị cáo này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

[2.2]. Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Thanh S:

[2.2.1]. Về tội danh:

Từ năm 2013 đến năm 2020, Phạm Thanh S, Châu Lê Điền N, Nguyễn Công B và Lê Văn T1 là nhân viên ký kết hợp đồng làm việc tại Công ty V. Bị cáo N, S có nhiệm vụ giao hàng nguyên liệu từ Công ty V đến Công ty K để gia công và nhận hàng gia công từ Công ty K về kho Công ty V; bị cáo B có nhiệm vụ làm tài xế xe vận tải chuyển hàng đi chung với N, S; bị cáo T1 có nhiệm vụ làm thủ kho, có trách nhiệm kiểm tra, giao nhận hàng hóa đúng với phiếu xuất hàng do N, S mang về.

Lợi dụng nhiệm vụ được giao để kiếm lời từ tài sản mình có trách nhiệm quản lý, các bị cáo S, N, B cùng T1 bàn bạc giấu và bán bớt một số thùng dây thun khi vận chuyển các thùng hàng dây thun về kho. T1 có nhiệm vụ qua mặt bảo vệ công ty để đóng được dấu xác nhận "đã kiểm tra" vào phiếu giao hàng của Công ty K thể hiện đã nhận đủ số lượng các thùng hàng dây thun, sau đó, S, N và B sẽ đem đi bán.

Ngày 18/4/2020, các bị cáo Phạm Thanh S, Châu Lê Điền N, Nguyễn Công B và Lê Văn T1 lợi dụng nhiệm vụ được giao, với vai trò, công việc cụ thể của từng bị cáo, đã cùng nhau chiếm đoạt 05 thùng hàng dây thun có giá trị 37.077.836 đồng của công ty V, sau đó mang đi bán được số tiền 8.400.000 đồng, chia nhau tiêu xài cá nhân.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Phạm Thanh S đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản". Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thanh S, phạm tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2.2]. Về hình phạt:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Thanh S đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả xảy ra. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo (BL 522). Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo S, là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Xét thấy trong vụ án này, Phạm Thanh S là người đề xướng, lên kế hoạch rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định vai trò phạm tội của bị cáo S cao hơn và quyết định hình phạt đối với S cao hơn các bị cáo N và Bằng, là có căn cứ.

Khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự quy định mức hình phạt tù 02 năm đến 07 năm. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất và mức độ do hành vi phạm tội gây ra, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò, nhân thân của từng bị cáo, xử phạt Phạm Thanh S là 03 (ba) năm tù là đã thể hiện sự khoan hồng đối với bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thanh S là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ,

gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần có mức án nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt đối với bị cáo Phạm Thanh S.

Bị cáo Phạm Thanh S cho rằng bản thân mang nhiều bệnh, phải theo dõi điều trị, tuy nhiên không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh, các lý do là lao động chính, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không phải là căn cứ cho bị cáo hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Thanh S.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên mức hình phạt 03 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Phạm Thanh S.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 371/2024/TB-TA ngày 09/5/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí phúc thẩm hình sự:

[5.1]. Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo Phạm Thanh S phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[5.2]. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Châu Lê Điền N và bị cáo Nguyễn Công B không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 và Điều 343; khoản 1 Điều 342, Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Châu Lê Điền N và bị cáo Nguyễn Công B. Phần Bản án hình sự sơ thẩm số 135/2024/HS-ST ngày 02-4-2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến trách nhiệm hình sự của bị cáo Châu Lê Điền N và bị cáo Nguyễn Công B có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thanh S.

2.1. Giữ nguyên một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 135/2024/HS-ST ngày 02-4-2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Phạm Thanh S.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thanh S 03 (ba) năm tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 371/2024/TB-TA ngày 09/5/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm:

4.1. Bị cáo Phạm Thanh S phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4.2. Các bị cáo Châu Lê Điền N, Nguyễn Công B không phải chịu.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Lưu: HS, VP (TVN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hòa